

BÁO CÁO

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả SXKD năm 2020 của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin,

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại-Vinacomin lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO được phát hành tại báo cáo kiểm toán số 100/2021/BCKT-BDO ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Ban Kiểm soát công ty xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông công ty về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, kết quả SXKD năm 2020 của công ty cổ phần Du lịch và Thương mại-Vinacomin.

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020 :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KHĐC năm 2020	Thực hiện		% Thực hiện 2020 so với	
				2019	2020	KHĐC 2020	TH 2019
1	Doanh thu	Triệu đ	1 213 720	1 783 370	1 239 057	102.09	69.48
2	Giá trị SX	Triệu đ	50 960	86 502	55 985	109.86	64.72
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	6 900	13 613	7 969	115.49	58.54
4	Cổ tức/Vốn CP	%	8	14	8	100.00	57.14
5	Đơn giá Tlg đ/1000đ GTSX	Đồng	480.00	450.00	375.99	78.33	83.55
6	Tổng quỹ lương	Triệu đ	73 543	68 418	70 286	95.57	102.73
7	Lao động bình quân	Người	626	586	621	99.20	105.97
8	Tiền lương bq/người/tháng	Triệu đ	9.79	9.73	9.43	96.34	96.94

Thực hiện các chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2020 của Công ty về các chỉ tiêu doanh thu, giá trị sản xuất, lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch điều chỉnh năm 2020 đã được HĐQT thông qua tại nghị quyết số 36/2020/NQ-VTTC-HĐQT ngày 31/10/2021 đều đạt vượt trên 100% và so với thực hiện cùng kỳ năm 2019 các chỉ tiêu này giảm mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty:

Nội dung thẩm định: Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO; xem xét công tác kiểm kê tài sản thông qua các hồ sơ kiểm kê, nhìn nhận số lượng, chủng loại vật tư hàng hóa còn tồn kho; về công nợ phải thu, nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2020 kiểm tra xác định về mức độ an

toàn của từng khoản nợ phải thu, thông qua biên bản xác nhận nợ của khách nợ tại thời điểm 31/12/2020, đối với những khoản nợ chưa có biên bản đối chiếu nợ, nhưng còn nợ phải thu – Ban kiểm soát đã kiểm tra chứng từ thu hồi nợ (Báo có, thu tiền mặt) đầu năm 2021; Đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, kiểm tra việc trích lập dự phòng đã tuân thủ theo quy định của Bộ tài chính; Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2020, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành. Tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm theo quy định của Bộ Tài chính và báo cáo quản trị của Công ty.

- Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán tại báo cáo kiểm toán số 100/2020/BCTC – BDO, ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính năm 2020 báo cáo trước ĐHCĐ năm 2021 là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

3. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán):

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2019:

Tỷ lệ chi trả cổ tức, trích lập quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 Công ty thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020 và phân chia vào năm tài chính 2020.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ 2020	Thực hiện
A	B	C	1	2
I	Lợi nhuận sau thuế 2019 chưa phân chia	Đồng	10 831 060 639	10 831 060 639
II	Lợi nhuận được phân chia (I + II)	Đồng	10 831 060 639	10 831 060 639
1	Trả cổ tức			
-	Vốn điều lệ	Đồng	25 000 560 000	25 000 560 000
-	Tỷ lệ trả cổ tức	%	14	14
-	Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ chi trả	Đồng	3 500 078 400	3 500 078 400
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đó hết hạn được trừ vào lợi nhuận sau thuế	Đồng		
3	Lợi nhuận còn lại	Đồng	7 330 982 239	7 330 982 239
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển (3 x 30%)	Đồng	2 199 294 673	2 199 294 673
b	Trích Quỹ thưởng Người quản lý	Đồng	300 000 000	300 000 000
c	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	4 831 687 566	4 831 687 566

3.2 Số liệu tài chính tổng hợp thời điểm 31/12/2020:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
A. Tổng tài sản		601,153,385,862	481,875,886,079
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	567,487,429,152	449,309,733,994
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	72,206,621,004	19,859,004,671

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	269,082,953,235	241,243,664,835
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu khó đòi		-15,922,446,434	-14,450,482,796
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	224,943,996,296	185,720,690,667
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	1,253,858,617	2,486,373,821
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	33,665,956,710	32,566,152,085
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	507,658,465	502,006,844
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT		
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi	219-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	11,535,682,763	10,999,835,635
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	11,326,970,391	10,721,968,257
- Tài sản cố định thuê Tài chính	224-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	208,712,372	277,867,378
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	295,179,091	295,179,091
Trong đó: Chi phí XDCB dở dang	242-BCĐKT	295,179,091	295,179,091
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254-BCĐKT		
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	21,327,436,391	20,769,130,515
B. Tổng nguồn vốn		601,153,385,862	481,875,886,079
I. Nợ phải trả	300-BCĐKT	541,080,593,853	424,059,925,883
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	541,080,593,853	424,059,925,883
Trong đó: Nợ quá hạn			
Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	322-BCĐKT	7,221,406,057	6,591,941,072
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT		
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	60,072,792,009	57,815,960,196
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	60,072,792,009	57,815,960,196
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	25,000,560,000	25,000,560,000
Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	24,241,171,370	26,440,466,041
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	10,831,060,639	6,374,934,155
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT		

4. Hệ số tài chính tại ngày 31/12/2020:

4.1 Bảo toàn vốn:

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2019: 60.072 triệu đồng (trong đó lợi nhuận sau thuế năm 2019 chưa phân phối 10.831 triệu đồng).

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2020: 57.816 triệu đồng (trong đó: Quỹ đầu tư phát triển tăng 2.199 triệu đồng từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019; lợi nhuận sau thuế năm 2020 chưa phân phối 6.374 triệu đồng)

Năm 2020 kết quả SXKD của Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 7.968 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 6.374 triệu đồng, đồng thời công ty đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán và dự phòng bảo hành sản phẩm, mua bảo hiểm tài sản; Như vậy Công ty bảo toàn và phát triển được vốn của các cổ đông.

4.2 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng doanh thu: 0,64% thấp hơn năm 2019: 0,22%

4.3 Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 13,78% thấp hơn năm 2019: 8,88%

4.4 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (hiện thời):

Tài sản ngắn hạn thời điểm 31/12/2020: 449.309 triệu đồng;

Nợ ngắn hạn thời điểm 31/12/2020: 424.059 triệu đồng;

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,06 lần, tăng 0,01 lần so với năm 2019.

Như vậy tại thời điểm 31/12/2020 Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

4.5 Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu:

Nợ phải trả (sau khi trừ quỹ khen thưởng phúc lợi) thời điểm 31/12/2020: 417.468 triệu đồng.

Hệ số nợ phải trả / vốn CSH: 7,22 lần; giảm so với năm 2019 là 1,67 lần; chủ yếu do Công ty đã tích cực thu hồi công nợ phải thu, giảm tồn kho hàng hóa, giảm số dư nợ phải trả khách hàng.

Trong năm 2020 số dư nợ vay ngắn hạn 155.539 triệu đồng; dư nợ vay trung dài hạn không phát sinh; Công ty đã thu xếp đủ nguồn vốn cho SXKD và đầu tư, đảm bảo nguồn vốn vay tín dụng thấp hơn hạn mức vay được HĐQT phê duyệt.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- HĐQT, Ban KS,
- Lưu thư ký HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hoàng Văn Kiệm